

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HSPT
Ngày: 28/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Ông Ngô Quang Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị
Hong Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử
phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2018/HSPT ngày 03/5/2018 đối với bị cáo
Phạm Văn K do có kháng cáo của bị cáo K đối với bản án hình sự sơ thẩm số
30/2018/HSST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn K**, sinh năm 1977; tên gọi khác: Không; nơi cư trú:
thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa:
06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con
ông Phạm Văn T, sinh năm 1940 và bà Lương Thị M, sinh năm 1947; có vợ là
Thân Thị V, sinh năm 1977 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú và
tạm giữ từ ngày 23/11/2017, chuyển tạm giam từ ngày 01/12/2017 đến ngày
15/12/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại.
(Có mặt)

Ngoài ra còn có những bị cáo khác nhưng do không có kháng cáo và không
bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ
án được tóm tắt như sau:

Thông qua quan hệ xã hội, Phạm Văn K quen biết Thân Văn T. Khoảng 12
giờ đêm ngày 24/10/2017, K dùng điện thoại nhắn tin cho T nội dung “Mai đi làm
1 phút”, T hiểu ý K bảo đi tìm người về để đánh rồi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của

họ. Khoảng 8 giờ ngày 25/10/2017, T thuê xe ôm đi từ nhà đến nhà chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1972, ở thôn N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang để gặp K. K đưa cho T 165.000 đồng và bảo T đi tìm “gà”. T đi xe ô tô khách đến bến xe G, thành phố Hà Nội. Đến nơi, T xuống xe và đi bộ trên đường thì nhìn thấy anh Đồng Văn M mặc trang phục xe ôm Grab đi xe máy hiệu Honda Vison, biển kiểm soát 29Y3- 315.83. T thuê anh M chở về khu công nghiệp Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang lấy tiền nhưng mục đích là đưa anh M đến gặp K để đánh bạc nhằm chiếm đoạt tài sản của anh M. Anh M tin tưởng T nên đồng ý. Trên đường đi, T giới thiệu với M tên là H làm ở Hà Nội. Đi đến khu vực khu công nghiệp S, Gia Lâm, thành phố Hà Nội, T mượn điện thoại của anh M gọi cho K hỏi địa điểm, lúc này K đang ở nhà chị G cùng Tống Tuấn A và Hoàng Hải M. K biết T đã tìm được người đưa về đánh bạc do chưa tìm được địa điểm đánh bạc nên K bảo T gọi lại sau. Sau đó, K thuê taxi chở đi về hướng huyện Y, tỉnh Bắc Giang, trước khi đi K rủ M và Tuấn A đi chơi cùng. M đồng ý đi xe mô tô BKS 98H1-172.56 đèo Tuấn A đi theo. Khi đi đến cây số 8, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, K thuê phòng nghỉ ở nhà nghỉ Việt Nam. Tại đây, K hỏi mượn đồng hồ đeo tay của Tuấn A đi cầm lấy tiền đánh bạc nhưng Tuấn A không cho mượn, Tuấn A bảo K mượn xe mô tô của M. K hỏi mượn xe mô tô thì M đồng ý cùng K đi cầm xe mô tô cho người không quen biết được 5.700.000 đồng, cộng với số tiền có từ trước K chuẩn bị được khoảng 10.000.000 đồng. Sau khi cầm xe, K gọi điện thoại cho anh họ là Nguyễn Văn K1 nhờ K1 nấu cơm để tiếp bạn, còn K chờ T gọi điện lại.

Khi T và anh M đi đến khu công nghiệp Đ, huyện V, T gọi điện cho K hỏi địa điểm thì K bảo đi đến cây số 8, xã T, huyện Y sẽ có người đón. Sau đó, K gọi điện bảo K đi đón T và M về nhà, còn K và M đến sau. Tại nhà K1, K ngồi ăn cơm cùng K1, T và anh M, còn M ngồi bàn uống nước. Khoảng 14 giờ cùng ngày mọi người ăn cơm xong, K1 dọn mâm bát, K đi theo xuống bếp đưa cho K1 bộ bài tú lơ khơ bảo K1 rủ mọi người đánh bài, K1 nói không biết đánh. K bảo K1 cầm bài đánh hộ xong việc K sẽ cho tiền tiêu. K1 hiểu là K bố trí đánh bài để chiếm đoạt tiền của anh M nên đã rủ mọi người đánh phỏm, T hưởng ứng và rủ anh M cùng đánh bạc. Lúc đầu, anh M từ chối vì không có tiền, T nhờ anh M đánh bài hộ, T sẽ đưa tiền, anh M đồng ý. Trước khi đánh bạc, K1 có 400.000 đồng, K đưa cho K1 4.000.000 đồng nhưng T lấy lại toàn bộ số tiền này rồi đưa cho M 2.000.000 đồng để đánh bạc. K bố trí chỗ ngồi khi đánh bạc ở phía đối diện K là T, bên tay trái K là M, bên tay phải K là K1. K đánh bài cho K1, K1 đánh bài cho T, T đánh cho M, M đánh cho K. Lúc đầu, K quy định đánh mức sát phạt là “5, 10, 15, cháy 2, ù 3”, tức là người nhất thu của người nhì 50.000 đồng, thu của người thứ ba 100.000 đồng, thu của người bát 150.000 đồng, bị ăn 1 lá bài mất 100.000 đồng, bị ăn lá bài chót (lá bài cuối cùng của vòng thứ 3 trở đi) hoặc không có phỏm mất 200.000 đồng, người nào ù được thu của mỗi người còn lại 300.000 đồng; mỗi ván bài thì mỗi người chơi phải góp 50.000 đồng để đóng tiền gà, ai ù được hưởng tiền gà; người nào đánh bị ăn 03 cây phải đền làng, tức là đền tiền ù và đền tiền gà. Đánh được vài ván, K lấy lý do không có tiền lẻ và tăng mức sát phạt thành “1, 2, 3,

móm 4, ù 5”, tức là người nhất thu người nhì 100.000 đồng, ba 200.000 đồng, bét mất 300.000 đồng; móm mất 400.000 đồng, ù thu của mỗi người còn lại 500.000 đồng, bị ăn 1 lá bài mất 100.000 đồng riêng đánh ăn lá bài chốt hạ mất 400.000 đồng, tiền góp gà là 100.000 đồng/ 1 ván. Trong lúc đánh bài, T đánh bỏ bài không cho M ăn bài để K và K1 nhất nhưng không được ù để khi số tiền “gà” lớn mới bắt. Khi T và M thua hết tiền, T vay 4.000.000 đồng trong số tiền “gà” chia cho M 2.000.000 đồng tiếp tục đánh bài. K1 đánh được vài ván thì thua hết số tiền 400.000 đồng, K đưa cho K1 số tiền 600.000 đồng để đánh bài. Các đối tượng đánh bài được khoảng gần 1 tiếng thì số tiền K chuẩn bị được đóng vào gà gần hết (khoảng 10.000.000 đồng), không ai còn tiền. K vờ đi vệ sinh để lấy một bộ bài khác sắp xếp theo ý K, song việc K đi ra phía sau T vờ hút thuốc lào, K đặt bộ bài đã xếp sẵn ở cạnh chỗ T và vỗ vào lưng T ra hiệu, T hiểu ý là ván sau T phải thắng để đổi bài chia cho K ù bắt M phải đền làng. Đến ván bài tiếp theo, T nghiêng bài cho K1 nhìn, K1 đánh bài cho T ăn để nhất ván đó. Sau đó, T vờ vận người rồi nhanh tay đổi bộ bài đang chơi lấy bộ bài K để ở cạnh mình không trộn tráo bài mà cứ thế chia bài cho mọi người đánh bạc. Ván bài này, T đánh cây đầu tiên thì M, M đánh thì K ăn; đến lượt đánh thứ 2, T tiếp tục đánh bài cho M ăn, M đánh bài thì K lại ăn. Đến lượt đánh thứ 3, T không đánh bài cho M ăn, M bốc bài dưới lộc lên bài của M có đôi 3, cây 4 cơ và cây át cơ, bài của K có cạ đôi 3 (trong đó có lá bài 3 cơ) và lá bài 2 cơ; do vậy M đánh cây bài nào cũng bị K ăn và phải đền làng. Kết thúc ván bài, T còn hơn 1.000.000 đồng đưa cho M trả tiền đền ù cho K là 1.500.000 đồng; còn số tiền gà K và M đếm được tổng cộng 14.500.000 đồng (gồm cả số tiền 4.000.000 đồng T vay lúc trước), K lấy chẵn 14.000.000 đồng. Do anh M không có tiền nên K buộc anh M viết giấy vay của K số tiền 14.000.000 đồng, để lại xe máy, điện thoại di động Samsung J5 và chứng minh thư nhân dân, hẹn ngày 28/10/2017 trả tiền. K1 lấy giấy bút cho anh M viết giấy vay tiền. Khi anh M viết xong giấy vay tiền, K bảo M đi xe mô tô của anh M đi lấy tiền nhưng thực chất là đem xe đến nhà nghỉ Việt Nam để. Để tránh anh M nghi ngờ, K, T và K1 tiếp tục đánh thêm vài ván nữa thì K lại ù mọi người hết tiền không đánh bài nữa. K bảo T đi thả gà, T hiểu ý nên đã vờ bảo K1 chờ T và anh M đi lấy tiền nhưng thực chất là đưa anh M đi chỗ khác. K1 đi xe mô tô của mình đèo T và M ra khu công nghiệp S - N, T đưa 200.000 đồng cho anh M bảo ngồi ở quán nước chờ, còn K1 đèo T quay về nhà K1. Sau đó, K và T thuê xe taxi đến nhà nghỉ V, K đưa cho T 600.000 đồng rồi bắt xe taxi đi chơi. T và Tuấn A không thấy K quay lại nên đã đi xe máy của anh M về nhà Tuấn A ngủ. Anh M không thấy T quay lại nên quay lại nhà K1 xin số điện thoại của K. Anh M gọi điện thoại cho K xin chuộc xe mô tô, K hẹn M ở quán nước gần nhà nghỉ V, anh M đi đến chỗ hẹn gặp và đưa cho K số tiền 3.000.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, anh M đưa tiếp cho K số tiền 4.800.000 đồng, K gọi điện bảo T mang xe mô tô đến trả anh M nhưng T nói để ngày mai. K hẹn anh M hôm sau sẽ trả lại xe mô tô. Sau đó, K đi chuộc xe mô tô trả cho M, K cho M 100.000 đồng, M đi về còn K ở lại nhà nghỉ V.

Ngày 26/10/2017, sau khi ngủ ở nhà Tuấn A dậy, T lấy xe mô tô của anh M đi chơi. K gọi điện thoại cho T nhưng không liên lạc được, đến khoảng 16 giờ cùng ngày K đưa anh M đến gặp Tống Tuấn A nhờ Tuấn A đưa đi tìm T để chuộc xe mô tô. Tuấn A gọi điện thoại thông báo cho T biết K và anh M đang ở nhà Tuấn A để chuộc xe mô tô. Qua điện thoại của Tuấn A, T yêu cầu anh M chuẩn bị 5.000.000 đồng để chuộc xe và nhắn Tuấn A bảo K trả điện thoại, chứng minh nhân dân cho anh M rồi đưa anh M đến xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang lấy xe mô tô. Sau đó, T đến gặp và nhờ anh Thân Văn G nhận hộ số tiền 5.000.000 đồng do anh M đưa, T nói dối anh G là nhận tiền của người khác trả cho bạn ở huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi nhờ anh G nhận tiền hộ, T đi xe mô tô của anh M đến gửi ở nhà chị Hoàng Thị H. Trong lúc T đi gặp anh G nhờ việc, Tuấn A đi xe mô tô của mình chở anh M đến nhà anh G theo sự hướng dẫn của T. Đến nơi, anh M đưa cho anh G số tiền 5.000.000 đồng rồi đến nhà chị H lấy xe mô tô rồi đi về. Khoảng 20 giờ cùng ngày T đến gặp anh G lấy số tiền 5.000.000 đồng của anh M đưa. T cho Tuấn A số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 4.000.000 đồng T chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị Phạm Văn K, Thân Văn T và Nguyễn Văn K1 lừa đảo chiếm đoạt số tiền 12.800.000 đồng, ngày 27/10/2017 anh Đồng Văn M đã viết đơn tố giác hành vi phạm tội của K, T, K1 đến Công an tỉnh Bắc Giang và giao nộp 01 giấy vay tiền do anh M viết có nội dung nhận nợ số tiền 14.000.000 đồng. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành xác định hiện trường tại nhà Nguyễn Văn K1 thu giữ: 01 chiếc vỏ đệm mút và 02 quần bài lơ khơ dưới mương nước chảy ngoài cổng nhà K1.

Ngày 23/11/2017 Phạm Văn K, Nguyễn Văn K1 đã đến Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú. Ngày 24/11/2017, Thân Văn T ra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Khoản giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ số IMEI 860720025100746 và 860720025100753 T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia có số IMEI 354136054728328; K giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT vỏ màu đen có số IMEI 1 là 980018002037212, số IMEI2 là 980018002102867.

Ngày 14/12/2017, anh Phạm Văn T là anh trai của Phạm Văn K đã tự nguyện giao nộp số tiền 7.800.000 đồng cho cơ quan Công an để khắc phục hậu quả cho K. Ngày 29/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trả cho anh Đồng Văn M số tiền 7.800.000 đồng. Anh Phạm Văn T không yêu cầu Phạm Văn K phải trả lại cho anh T số tiền 7.800.000 đồng.

Quá trình điều tra, Thân Văn T khai nhận số tiền 165.000 đồng K đưa cho T để đi Hà Nội tìm người đưa về Bắc Giang đánh bạc bịp; tuy nhiên Phạm Văn K khai đây là số tiền T hỏi vay K. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối chất giữa T và K nhưng các bên giữ nguyên lời khai của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đồng Văn M yêu cầu Thân Văn T phải bồi thường cho anh M số tiền 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 06 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Phạm Văn K, Thân Văn T và Nguyễn Văn K1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HSST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Văn K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2017 đến ngày 15/12/2017.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 05/4/2018 bị cáo Phạm Văn K nộp đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Văn K giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do án sơ thẩm xử nặng đối với bị cáo, ngoài ra không còn lý do nào khác.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K. Giữ nguyên án sơ thẩm xử đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Văn K: đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa thấy đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ ngày 25/10/2017 tại nhà của Nguyễn Văn K1 ở thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Phạm Văn K, Thân Văn T và Nguyễn Văn K1 tổ chức đánh bạc (đánh phỏm) với mục đích lừa đảo chiếm đoạt 14.000.000 đồng của anh Đồng Văn M. Kết quả, các bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền 12.800.000 đồng của anh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Phạm Văn K thừa nhận toàn bộ hành vi như án sơ thẩm nêu là đúng, không oan. Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B xét xử bị cáo Phạm Văn K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, qua đó thể hiện thái độ bất chấp và coi thường pháp luật của bị cáo.

Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo K thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đầu thú tại Cơ quan Công an; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và bố bị cáo là thương binh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng cho bị cáo là có căn cứ. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Án sơ thẩm sau khi đánh giá toàn diện, khách quan hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân dân bị cáo đã xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và không nặng đối với bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với cấp sơ thẩm nên HĐXX xét thấy cần không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 01 (một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt

thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2017 đến ngày 15/12/2017.

[2] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung